

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-12-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2025/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà Huỳnh Thị Hà N, sinh năm 1991;

Căn cước số: 080191000916 do Bộ C cấp ngày 11 tháng 10 năm 2024.

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh). Tạm trú: Số F, ấp M, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Đình Thị Bé M - Luật sư, Chi nhánh Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

2. Bị đơn:

Ông Phạm Đ, sinh năm 1989;

Căn cước số: 033089008937 do Bộ C cấp ngày 15 tháng 10 năm 2024.

Hộ khẩu thường trú: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh). Tạm trú: Số F, ấp M, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn A, sinh năm 1990;

Căn cước công dân số: 0300900012565 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021.

Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn A:

Ông Phan Phụng Đức T, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: thôn P, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ liên hệ: Số E (Cư xá B) ấp H, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà N, bà M có yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông Đ, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hà N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Đ tìm hiểu tự nguyện kết hôn vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 26/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, ông Đ không quan tâm tới vợ con, không làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình, không phụ bà chăm sóc cho các con, ông Đ còn chửi bới, hăm dọa bà và còn đánh đập bà nên bà đã về nhà mẹ ruột sống, bà và ông Đ đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông Đ không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 03 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 04/7/2018, Phạm Phúc L, sinh ngày 16/4/2021, Phạm Huỳnh Đan V, sinh ngày 25/5/2022, hiện ba con chung thì do bà và ông Đ đang thay phiên nhau chăm sóc. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Phạm Phúc L, sinh ngày 16/4/2021, Phạm Huỳnh Đan V, sinh ngày 25/5/2022; bà giao quyền nuôi con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 04/7/2018 lại cho ông Đ. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/12/2025 bà N thay đổi ý kiến, cụ thể bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi ba con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại văn bản trình bày ý kiến, các biên bản hòa giải, bị đơn ông Phạm Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn. Còn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì bà N trình bày không đúng toàn bộ, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do năm 2023 vợ chồng làm ăn thất bại, do áp lực kinh tế nên vợ chồng bắt đầu gay gắt với nhau, thường xuyên cãi nhau, ông thừa nhận là ông có thiếu quan tâm trong việc chăm sóc vợ con, ông cũng chưa làm được kinh tế để lo cho gia đình, ông có đánh vợ một lần nhưng vì ông ghen tuông nên không kiềm chế được bản thân. Ông thấy những mâu thuẫn giữa vợ chồng không đến mức độ phải ly hôn, đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống vợ chồng nên ông mong muốn bà N cho ông cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Ông và bà N ly thân từ tháng 3 năm 2025 đến nay.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Ông và bà N có 03 con chung như bà N trình bày. Trường hợp phải ly hôn thì ông yêu cầu nuôi con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 04/7/2018; ông đồng ý giao quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Phạm Phúc L, sinh ngày 16/4/2021 và Phạm Huỳnh Đan V, sinh ngày 25/5/2022 lại cho bà N. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Hiện nay ông và bà N có nợ chung là 2.150.000.000đ (hai tỉ, một trăm năm mươi triệu) của nhiều người. Trong đó có nợ của ông Trần Văn A, sinh năm 1990, nơi cư trú: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh) số tiền 820.000.000đ (tám trăm hai mươi triệu đồng), cụ thể: vào

ngày 26/5/2023, vay với lãi suất 04%/tháng, ông và bà N với ông A lập giấy tờ vay bằng hình thức lập Hợp đồng đặt cọc vào ngày 26/5/2023, có nội dung ông A đặt cọc cho vợ chồng ông số tiền 820.000.000đ (tám trăm hai mươi triệu đồng) để nhận chuyển nhượng hai thửa đất số 104, tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 66 tờ bản đồ 5-1, bản chất của hợp đồng đặt cọc này là hợp đồng vay tiền. Hợp đồng đặt cọc có ông và bà N cùng ký tên lẫn tay. Đối với hai thửa đất này ông và bà N đã chuyển nhượng cho người khác, 01 thửa là chuyển nhượng khoảng vào năm 2023, 01 thửa thì không nhớ thời gian nào.

Sau khi vay số tiền 820.000.000 đồng thì ông và bà N chưa trả tiền cho ông A nên nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi nợ, ông và bà N mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền 410.000.000 đồng.

Còn đối với số nợ còn lại thì ông không có giấy tờ, thông tin nên không cung cấp cho Tòa án được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn A trình bày:

Vào ngày 26/5/2023, ông A và vợ chồng ông Đ, bà N có ký hợp đồng đặt cọc vào ngày 26/5/2023, có nội dung ông A đặt cọc cho vợ chồng ông Đ, bà N số tiền 820.000.000đ (tám trăm hai mươi triệu đồng) để nhận chuyển nhượng hai thửa đất số 104, tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 66 tờ bản đồ 5-1, tọa lạc tại huyện T, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh), phía ông Đ, bà N giao bản chính hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A giữ. Hợp đồng đặt cọc có các bên cùng ký tên lẫn tay, nhưng đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng thì ông A không liên hệ được với ông Đ, bà N, sau đó thì ông A mới biết ông Đ, bà N đã bỏ trốn đi khỏi địa phương và phát hiện hai giấy chứng nhận ông Đ, bà N giao cho ông A là giấy chứng nhận giả nên ông A đã làm đơn tố giác tội phạm gửi đến Công an tỉnh L (nay là tỉnh Tây Ninh) vào ngày 08/4/2024 (có biên bản giao nhận kèm theo), hiện nay Công an tỉnh T đang giải quyết đơn tố giác của ông A nhưng chưa có kết quả.

Ông A có yêu cầu độc lập yêu cầu ông Phạm Đ và bà Huỳnh Thị Hà N có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền 820.000.000đ (tám trăm hai mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm của số tiền 820.000.000 đồng từ ngày 09/9/2023 cho đến ngày 09/9/2025.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Đinh Thị Bé M trình bày:

Bà N và ông Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh) vào năm 2018. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng bà N và ông Đ sống rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 03 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 04/7/2018, Phạm Phúc L, sinh ngày 16/4/2021, Phạm Huỳnh Đan V, sinh ngày 25/5/2022. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi ba con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, còn bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Hà N được ly hôn với ông Phạm Đạt . Ghi nhận bà N không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

Bà Huỳnh Thị Hà N được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Phạm Phúc L, sinh ngày 16/4/2021, Phạm Huỳnh Đan V, sinh ngày 25/5/2022. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Đ được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 04/7/2018. Ghi nhận ông Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

+ Về nợ chung: Bà N cho rằng không có nợ chung, ông Đ thì cho rằng

trong thời gian kết hôn ông bà có nợ của ông Trần Văn A số tiền 820.000.000 đồng, do làm ăn thất bại nên ông bà chưa trả số tiền này cho ông A. Nếu ly hôn ông yêu cầu mỗi người phải trả cho ông A số tiền 410.000.000 đồng.

Đối với đơn yêu cầu độc lập của ông Trần Văn A: ông yêu cầu ông Đ và bà N phải trả cho ông số tiền gốc và lãi là 984.000.000 đồng. Ngày 21/8/2025 Tòa án ban hành thông báo cho ông A cung cấp tài liệu chứng cứ cho yêu cầu của ông, đã hết thời gian quy định ông A không cung cấp. Ngày 16/9/2025 Tòa án ra Thông báo cho ông A sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đã hết thời gian quy định ông A không cung cấp. Ngày 07/10/2025 Tòa án ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện cho ông A. Nếu ông A có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về án phí tuyên theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Phạm Đ là bị đơn có nơi cư trú tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường B, tỉnh Vĩnh Long) nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 (Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc hội).

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hà N, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N là bà Đinh Thị Bé M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà N và bà M là phù hợp.

Bị đơn ông Phạm Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng ông Đ và ông A

vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, ông A là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 26/3/2018 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N thì sau khi kết hôn, bà và ông Đ chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, ông Đ không quan tâm tới vợ con, không làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình, không phụ bà chăm sóc cho các con, ông Đ còn chửi bới, hăm dọa, đánh đập bà. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông Đ, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Bị đơn ông Đ không đồng ý ly hôn với bà N, ông Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là phát sinh do năm 2023 vợ chồng làm ăn thất bại, áp lực kinh tế nên vợ chồng bắt đầu gay gắt với nhau, thường xuyên cãi nhau, ông thừa nhận là ông có thiếu quan tâm trong việc chăm sóc vợ con, ông cũng chưa tạo được kinh tế để lo cho gia đình, ông có đánh vợ một lần nhưng vì ông ghen tuông nên không kiềm chế được bản thân. Ông thấy những mâu thuẫn giữa vợ chồng không đến mức độ phải ly hôn, đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống vợ chồng nên ông mong muốn bà N cho ông cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông Đ thực tế là có xảy ra và giữa hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng thế nhưng bà N vẫn kiên quyết ly hôn, đến nay giữa ông bà vẫn không tìm được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà N vẫn cương quyết xin ly hôn, điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông Đ là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại cuộc sống mới cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông Đ là phù hợp theo quy định tại

các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận bà N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[4.2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 03 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 04/7/2018, Phạm Phúc L, sinh ngày 16/4/2021, Phạm Huỳnh Đan V, sinh ngày 25/5/2022, hiện ba con chung thì do bà N và ông Đ đang thay phiên nhau chăm sóc. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi ba con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Còn ông Đ đồng ý giao quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Phạm Phúc L, sinh ngày 16/4/2021 và Phạm Huỳnh Đan V, sinh ngày 25/5/2022 lại cho bà N nuôi, ông Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 04/7/2018; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà N và ông Đ thống nhất: Bà N được quyền trực tiếp nuôi con hai con chung tên Phạm Phúc L, sinh ngày 16/4/2021 và Phạm Huỳnh Đan V, sinh ngày 25/5/2022, bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét yêu cầu của bà N về việc yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con tên Phạm Gia B, sinh ngày 04/7/2018, bị đơn ông Đ cũng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu B. Xét yêu cầu nuôi con của bà N và ông Đ là chính đáng. Bà N và ông Đ trình bày trong thời gian ông bà ly thân thì ông bà thay phiên nhau chăm sóc cháu B, theo biên bản hỏi ý kiến ngày 29/7/2025 thì cháu B có nguyện vọng muốn sống cùng ông Đ. Tại biên bản hòa giải ngày 29/7/2025, bà N và ông Đ thống nhất giao cháu B cho ông Đ nuôi, tuy nhiên đến ngày 15/12/2025 bà N thay đổi ý kiến, yêu cầu được nuôi cháu B, nhưng bà N không cung cấp chứng cứ chứng minh ông Đ không đủ điều kiện, khả năng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B. Vì vậy HĐXX giao con chung Phạm Gia B cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận ông Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[4.4] Về nợ chung: Bà N cho rằng không có nợ chung, ông Đ thì cho rằng trong thời kỳ hôn nhân ông bà có nợ của ông Trần Văn A số tiền 820.000.000 đồng, hiện nay ông bà chưa trả số tiền này cho ông A. Nếu ly hôn thì ông yêu cầu mỗi người phải trả cho ông A số tiền 410.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn A có đơn yêu cầu độc lập: Yêu cầu ông Đ và bà N phải trả cho ông số tiền 820.000.000 đồng và

tiền lãi là 164.000.000 đồng. Ngày 16/9/2025, Tòa án ban hành Thông báo yêu cầu ông A sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đã hết thời gian quy định theo thông báo nhưng ông A thực hiện. Ngày 07/10/2025, Tòa án ban hành Thông báo trả lại đơn khởi kiện cho ông A, không ai khiếu nại, kiến nghị thông báo này. Vì vậy, trường hợp ông A có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[5] Về đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn như Hội đồng xét xử đã phân tích trên là chỉ phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[6] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hà N đối với bị đơn ông Phạm Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Hà N được ly hôn với ông Phạm Đ. Ghi nhận bà N không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

Bà Huỳnh Thị Hà N được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Phạm Phúc L, sinh ngày 16/4/2021, Phạm Huỳnh Đan V, sinh ngày 25/5/2022. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Đ được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 04/7/2018. Ghi nhận ông Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

1.4. Về nợ chung: Nguyên đơn bà N cho rằng không có nợ chung, bị đơn ông Đ thì cho rằng trong thời kỳ hôn nhân có nợ chung; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn A không có yêu cầu trong vụ án này nên không xem xét. Trường hợp ông A có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Hà N phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011398 ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long). Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Bình Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm My